

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ Năm báo cáo: 2019

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0200511481
- Vốn điều lệ: 400.000.000.000VNĐ (Bốn trăm tỉ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 400.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Cảng Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
- Số điện thoại: 02253.769.992
- Số fax: 02253.769.992
- Website: dinhvuport.com.vn
- Mã cổ phiếu: DVP

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1 Việc thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ-TGD ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Ngày 19 tháng 12 năm 2002 Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ngày 14/01/2003 Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ chính thức đi vào hoạt động. Từ năm 2002-2005 triển khai giai đoạn 1 xây dựng hệ thống cầu cảng, hệ thống kho tàng, bến bãi, đầu tư trang thiết bị, tuyển dụng, đào tạo cán bộ công nhân viên, hoàn thiện bộ máy tổ chức chuẩn bị cho việc đưa Cảng vào kinh doanh khai thác trong năm 2005.

2.2 Niêm yết

Ngày 01 tháng 12 năm 2009 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo Quyết định số 147/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 11 năm 2009 theo nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: DVP
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đ/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 40.000.000 cổ phiếu
- * Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 400.000.000.000đ

2.3 Các sự kiện khác

Ngày 25/02/2005 Công ty được Cục Hàng Hải Việt nam cấp giấy phép đưa cầu cảng số 1 vào khai thác tại Quyết định số 87/QĐ CHHVN cho phép tàu có trọng tải 20.000 DWT ra vào khai thác. Cảng Đình vũ chính thức được đưa vào khai thác.

Ngày 13/06/2008 Công ty được Cục Hàng Hải Việt nam cấp giấy phép đưa cầu cảng số 2 vào khai thác tại Quyết định số 377/QĐ CHHVN cho phép tàu có trọng tải 20.000 DWT ra vào khai thác. Nâng tổng số chiều dài cầu lên 425m.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1 Ngành nghề kinh doanh

Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Kinh doanh kho, bãi. Dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa. Dịch vụ xuất nhập khẩu. Vận tải hàng hóa đa phương thức. Dịch vụ hàng hải.

Khai thác - Kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công san lấp mặt bằng. Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại quan và dịch vụ hàng chuyển khẩu, quá cảnh.

Mua bán và cho thuê các loại máy, thiết bị, phụ tùng, vật tư ngành khai thác cảng.

Và các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200511481 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 12/7/2017

3.2 Địa bàn kinh doanh

Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc;

Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4.2 Công ty liên kết

4.2.1 Công ty TNHH tiếp vận SITC-Đình Vũ

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:

- + Dịch vụ giao nhận
- + Đại lý tàu, giao thông vận tải đa phương thức
- + Vận tải đường bộ
- + Bãi container và kho
- + Container hàng hóa đóng gói, khai thác hàng CFS
- + Thai khác kho bãi và lưu trữ hàng hóa
- + Giao nhận vận tải bằng đường biển, đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không
- + Dịch vụ sửa chữa container
- + Dịch vụ hải quan
- Vốn điều lệ thực góp: 128.672.013.800 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại Công ty TNHH tiếp vận SITC-Đình Vũ: 51%

4.2.2 Công ty Cổ phần tiếp vận Đình Vũ

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:

- + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- + Bốc xếp hàng hóa;
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

+ Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;

- Vốn điều lệ thực góp: 13.680.000.000 VNĐ;

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại Công ty Cổ phần tiếp vận Đình Vũ Logistics: 45,6%.

5. Định hướng và phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh các dịch vụ hàng hải và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng cổ tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Đa dạng hóa ngành, nghề kinh doanh, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty nhằm xây dựng và phát triển Công ty có tiềm lực kinh tế mạnh và trở thành một Cảng container chuyên nghiệp và hiện đại trong khu vực.

5.2 Chiến lược phát triển trung dài hạn

Chiến lược phát triển của Công ty thông qua 2 hướng chủ yếu:

*** Phát triển theo chiều sâu:**

Công ty tiếp tục đầu tư trang thiết bị hiện đại, cơ sở hạ tầng, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, áp dụng hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến trong quản lý và khai thác cảng, hướng tới mục tiêu trở thành Cảng xếp dỡ container chuyên nghiệp và hiện đại.

*** Phát triển theo chiều rộng:**

Đề tận dụng tối đa nguồn lực và các lợi thế nhằm tăng lợi nhuận, Công ty mở rộng phạm vi kinh doanh, phát triển các ngành nghề liên quan đến hoạt động của cảng như:

Hợp tác với các đối tác chiến lược tiến hành nghiên cứu khả thi của dự án liên doanh đầu tư, phát triển cảng ra khu vực phía ngoài.

Đầu tư, xây dựng, kinh doanh khai thác cảng biển.

5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Cam kết áp dụng và duy trì có hiệu quả Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001:2015. Xây dựng một cảng container chuyên nghiệp, hiện đại, xanh, sạch, đẹp. Tuân thủ các quy định về môi trường theo

luật định, sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên (điện, nước, nguyên nhiên vật liệu...).

Cảng Đình Vũ cam kết tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng, ủng hộ các hoạt động từ thiện, chia sẻ và giúp đỡ những khó khăn với cộng đồng (trẻ em chất độc màu da cam, trẻ em khuyết tật, người già không nơi nương tựa, Hội người mù...)

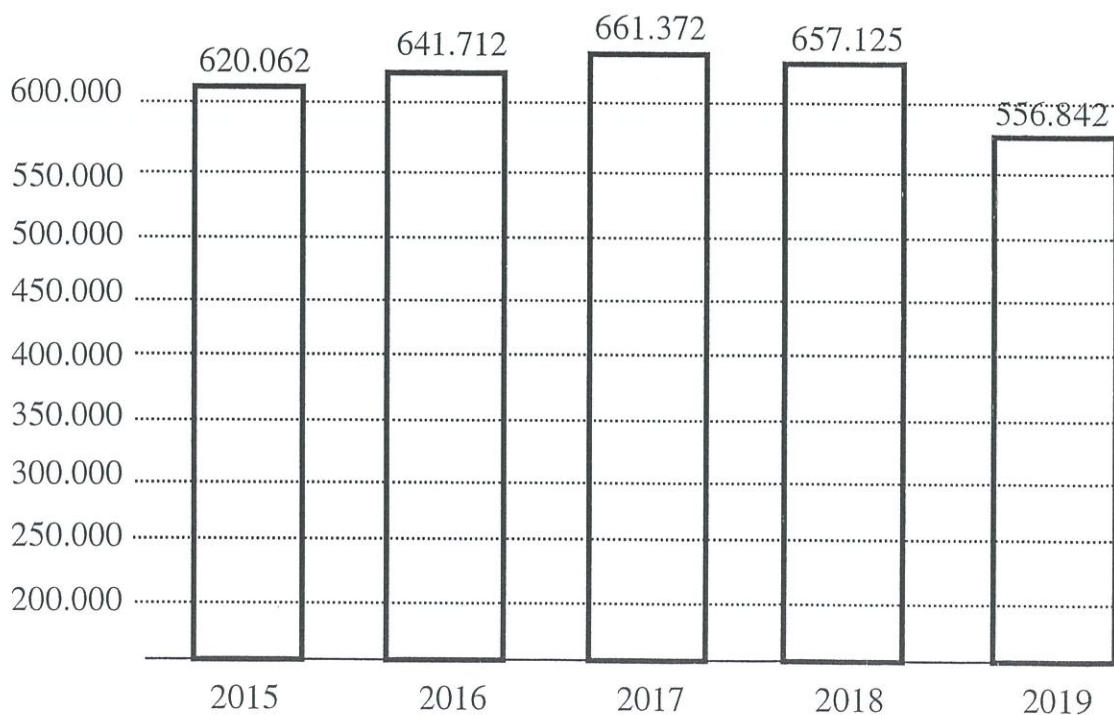
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

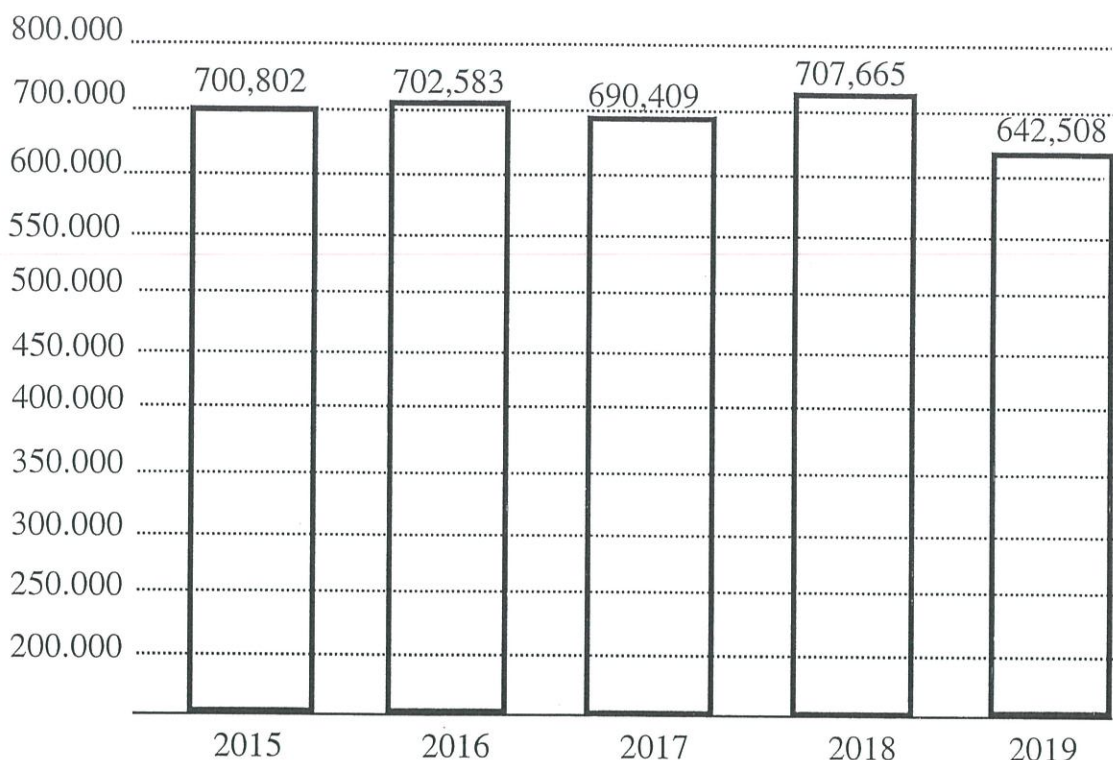
1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	So sánh kế hoạch 2019 (%)	So sánh 2018 (%)
1	Sản lượng	Teus	556.842	101,24	84,74
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	642,508	98,85	90,79
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	302,273	105,69	95,34

1.2 Tình hình hoạt động từ năm 2015 – 2019:



Biểu đồ xếp dỡ container 2015-2019 (ĐVT: teus)



Biểu đồ doanh thu 2015-2019 (ĐVT: triệu đồng)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

2.1.1 Tổng Giám đốc Công ty: Ông Cao Văn Tĩnh

- Sinh ngày 23/05/1969. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam;
- Trình độ chuyên môn: Đại học hàng hải-Kỹ sư máy xếp dỡ, Đại học Bách khoa- Kỹ sư QTDN;
- Quá trình công tác:
 - + Từ 09/1986-12/1989: Học trường sỹ quan kỹ thuật vũ khí đạn;
 - + Từ 01/1990- 01/1992: Trung úy- Đại đội trưởng đại đội bảo quản kho KV2- Cục vũ khí;
 - + Từ 08/1992- 07/1997: Học trường Đại học Hàng hải;
 - + Từ 06/1998- 05/1999: Cán bộ kỹ thuật- Xí nghiệp xếp dỡ container/ Cảng Hải phòng;
 - + Từ 05/1999- 08/2004: Cán bộ thuật, trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP dịch vụ kỹ thuật/ Cảng Hải phòng;
 - + Từ 09/2004- 2/2009: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;
 - + Từ 02/2009- 06/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

+ Từ tháng 7/2017 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;

- Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 16% vốn điều lệ tương đương 6.400.000 cổ phần có quyền biểu quyết;

- Số cổ phần sở hữu cá nhân 3.600 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,009% vốn điều lệ;

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện: 6.403.600 cổ phần có quyền biểu quyết tương đương 16,009% vốn điều lệ.

2.1.2 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khai thác: Ông Lê Thành Đỏ

- Sinh ngày 27/08/1960. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam;

- Trình độ chuyên môn: Đại học hàng hải-Kỹ sư kinh tế vận tải biển;

- Quá trình công tác:

+ Từ 03/1978- 03/1983: Bộ đội Biên phòng;

+ Từ 04/1983- 06/1995: Cán bộ - Công ty Đại lý hàng hải Hải phòng (Vosa Hải phòng);

+ Từ 07/1995-04/2001: Cán bộ - Công ty Đại lý vận tải quốc tế phía bắc;

+ Từ 05/2001- 04/2004:Phó phòng Đại lý - Công ty Đại lý vận tải quốc tế phía bắc;

+ Từ 04/2006- 05/2008:Trưởng phòng Khai thác Kinh doanh- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình vũ;

+ Từ 06/2008- Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình vũ;

- Tổng số cổ phần sở hữu: 10.144 cổ phiếu tương ứng 0,025% vốn điều lệ.

2.1.3 Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh: Ông Triệu Thế Thuận

- Sinh ngày 11/6/1971. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam;

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ Trung - Anh, Cử nhân kinh tế;

- Quá trình công tác:

+ Từ 6/1993 – 5/1996: Hướng dẫn viên Công ty Du lịch Dịch vụ Hải Phòng;

+ Từ 6/1993 – 5/2002: Hướng dẫn viên Chi nhánh Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thắng Lợi Hà Nội tại Hải Phòng;

+ Từ 6/2002 – 9/2002: Trưởng Phòng xuất khẩu lao động – Công ty cung ứng lao động Hải Phòng;

+ Từ 10/2002 – 9/2004: Đại lý viên Công ty dịch vụ hàng hải Phương Đông, Đại lý hàng hải Việt Nam;

+ Từ 10/2004 – 6/2009: Nhân viên chi nhánh Công ty TNHH China Shipping Việt Nam tại Hải Phòng;

- + Từ 7/2009 – 12/2009: Trưởng Phòng Kế hoạch thị trường, Công ty Cổ phần vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng;
- + Từ 01/2010 – 8/2011: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần vận tải Container Đông Đô - Cảng Hải Phòng;
- + Từ 9/2011 – 11/2013: Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;
- + Từ 12/2013 – 8/2014: Phụ trách Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;
- + Từ 9/2014 – 11/4/2019: Trưởng Phòng Kế hoạch Kinh doanh, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;
- + 12/4/2019 - đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ.

2.1.4 Phó Tổng Giám đốc: Ông Quách Kim Hiến

- Sinh ngày 26/01/1970. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam;
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tàu biển; Cử nhân kinh tế;
- Quá trình công tác:
- + Từ 9/1994 – 4/1996: Cán bộ xưởng máy, Nhà máy đóng tàu Bến Kiền;
- + Từ 5/1996 – 02/2000: Cán bộ Công ty liên doanh Phili – Orient Lines Chi nhánh Hà Nội;
- + Từ 3/2000 – 8/2006: Trưởng Phòng Khai thác Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội chi nhánh Hải Phòng;
- + Từ 9/2006 – 01/2012: Cán bộ Phòng Điều độ khai thác Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;
- + Từ 02/2012 – 01/2017: Giám đốc Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ;
- + Từ 02/2017 – đến 10/9/2018: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;
- + Từ ngày 11/9/2018 đến nay đang tạm dừng hợp đồng lao động;
- Tổng số cổ phần sở hữu: 24.800 cổ phiếu tương ứng 0,062% vốn điều lệ.

2.1.4 Kế toán trưởng: Ông Đoàn Minh Trung

- Sinh ngày 10/07/1971. Dân tộc Kinh. Quốc tịch: Việt nam;
- Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán tài chính - cử nhân kế toán tài chính thương mại;
- Quá trình công tác:
- + Từ 10/1992-03/1993: Nhân viên kế toán Cảng Hải phòng;
- + Từ 04/1993- 12/1994: Nhân viên kế toán – Xí nghiệp II/Cảng Hải phòng;
- + Từ 01/1995- 09/1997: Nhân viên kế toán – Xí nghiệp Container/Cảng Hải phòng;

- + Từ 10/1997- 01/2003: Chuyên viên phòng kế toán- Cảng Hải phòng;
- + Từ 02/2003- Nay: Kế toán trưởng, trưởng phòng Tài chính kế toán- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ;
- Tổng số cổ phần sở hữu: 60.000 cổ phiếu tương ứng 0,15% vốn điều lệ.

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: không có.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên: 443 (tính đến 31/12/2019).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành thực hiện công tác đầu tư theo đúng Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và Nghị quyết khác của Hội đồng quản trị đảm bảo tuân thủ các quy định về đầu tư của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật khác hiện hành.

4. Các Công ty liên kết, cổ phần

4.1 Công ty liên kết: Công ty TNHH tiếp vận SITC-DinhVu Logistics:

- **Bắt đầu hoạt động từ Quý IV/2011**

- **Kết quả sản xuất kinh doanh 2019:**

+ Doanh thu: 241.222.032.092 đồng tăng 9,96% so với năm 2018;

+ Lợi nhuận trước thuế: 62.054.577.089 đồng tăng 5,74% so với năm 2018;

- **Tình hình tài chính:**

+ Tổng tài sản tính đến 31/12/2019: 353.309.395.472 đồng tăng 1,74% so với năm 2018;

+ Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2019: 21.315.599.605 đồng tăng 19,02% so với năm 2018;

+ Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2019: 331.993.795.867 đồng tăng 0,79% so với năm 2018.

4.2 Công ty Cổ phần: Công ty Cổ phần tiếp vận Đình Vũ:

- **Bắt đầu hoạt động từ Quý I/2012**

- **Kết quả sản xuất kinh doanh 2019:**

+ Doanh thu: 78.658.181.523 đồng, giảm 2% so với năm 2018;

+ Lợi nhuận trước thuế: lỗ 2.536.801.502 đồng, giảm 119,21% so với năm 2018;

- **Tình hình tài chính:**

+ Tổng tài sản tính đến 31/12/2019: 61.940.712.658 đồng giảm 11,09 % so với năm 2018;

+ Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2019: 8.996.913.112 đồng, tăng 28,74 % so với năm 2018;

+ Nguồn vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2019: 52.943.799.546 đồng, giảm 15,53 % so với năm 2018.

5. Tình hình tài chính

5.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.167.812.429.793	1.278.622.401.224	109,5
Doanh thu thuần	638.724.759.216	559.892.262.521	87,7
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	316.376.761.913	300.110.113.249	94,9
Lợi nhuận khác	659.856.498	2.162.648.832	327,7
Lợi nhuận trước thuế	317.036.618.411	302.272.762.081	95,3
Lợi nhuận sau thuế	287.741.338.082	247.631.247.279	86,1

5.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn: + Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ –Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn:	6,94 6,84	7,98 7,89	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: + Hệ số nợ/Tổng tài sản: + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu:	0,09 0,10	0,08 0,09	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động Vòng quay hàng tồn kho:			

Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân:	35 lần	28,47 lần	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	0,55	0,44	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần:	45%	44%	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu:	27%	21%	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản:	24,6%	19%	
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần:	49,5%	54%	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 40.000.000 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông

6.2 Cơ cấu cổ đông:

Tổng số Cổ đông hiện hữu theo danh sách chốt Cổ đông ngày 17/12/2019: 1.359 cổ đông, trong đó:

* Cổ đông trong nước:

- Cổ đông cá nhân: 1.246 cổ đông tương ứng với 5.351.478 cổ phần, chiếm 13,38%.
- Cổ đông là tổ chức: 21 cổ đông tương ứng với 29.238.022 cổ phần, chiếm 73,09%.

* **Cổ đông nước ngoài: 92 cổ đông** tương ứng với 5.410.500 cổ phần, chiếm 13,53%.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

Năm 2019, tình hình thế giới và khu vực Châu Á tiếp tục diễn biến phức tạp. Đặc biệt chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đã ảnh hưởng đến hoạt động thương mại của Trung Quốc và các nước trong khu vực, gây khó khăn cho thị trường vận tải biển cũng như hoạt động kinh doanh khai thác cảng.

Sản lượng hàng hóa trên các tuyến vận tải sụt giảm. Trong năm 2019 tình trạng phá sản, sáp nhập của một số hãng tàu lớn trên thế giới tiếp tục xuất hiện.

Trong khu vực nhiều cảng mới tiếp tục đi vào hoạt động làm cho tình hình cạnh tranh của thị trường cảng biển khu vực Hải Phòng ngày càng trở nên gay gắt hơn.

Luồng hàng hải vào các cảng khu vực Đình Vũ không được nạo vét kịp thời gây khó khăn cho hoạt động khai thác của các hãng tàu và ảnh hưởng đến sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Đình Vũ.

Tuy nhiên, được sự quan tâm của các cơ quan quản lý Nhà nước cùng với sự ủng hộ của các đối tác, khách hàng, sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, đã tạo điều kiện thuận lợi để Công ty vượt qua khó khăn thách thức.

Cùng với việc chú trọng đầu tư cho hoạt động SXKD, cải tiến phương pháp quản lý và phục vụ khách hàng, mở rộng thị trường, Cảng Đình Vũ đã không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ. Đồng thời, khẳng định được uy tín và thương hiệu đối với các khách hàng trong nước và quốc tế.

Phát huy những thành tích đã đạt được trong năm 2018, kết hợp với các yếu tố tích cực như: tình hình tài chính tốt, trật tự kỷ luật lao động được giữ vững, kinh nghiệm và tinh thần làm việc của CBCNV, đặc biệt là duy trì và phát triển tốt các mối quan hệ mật thiết với các đối tác, bạn hàng. Mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, Công ty vẫn giữ được hoạt động ổn định trong năm 2019.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn và thách thức, tuy nhiên với sự đoàn kết, nhất trí cao trong công tác chỉ đạo của Hội đồng quản trị; sự linh hoạt và năng động trong chỉ đạo sản xuất của Ban điều hành và sự cố gắng của toàn thể CBCNV, Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, cụ thể:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	So sánh kế hoạch 2019 (%)	So sánh 2018 (%)
1	Sản lượng	Teus	556,842	101,24	84,74
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	642,508	98,85	90,79
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	302,273	105,69	95,34

Các chỉ tiêu đạt được như trên là do những nguyên nhân chủ yếu sau:

+ Trong năm 2019, Công ty vẫn duy trì được sự ủng hộ và hợp tác tích cực từ các đối tác, bạn hàng truyền thống. Hoạt động SXKD của Công ty vẫn giữ được sự ổn định.

+ Các bộ phận trong dây chuyền sản xuất luôn phối hợp chặt chẽ với các hãng tàu và các cảng tiếp giáp trong việc điều tiết, khai thác tàu hợp lý. Trong năm 2019, đã tận dụng khai thác tối đa cầu bến đồng thời tiếp nhận thêm được trên 65.000 teus từ tàu của các cảng khác gửi sang làm hàng.

+ Trong năm 2019, Công ty đã tổ chức tiếp nhận và khai thác 09 tàu Ro-ro với tổng số 3.932 xe các loại, đảm bảo khai thác an toàn, hiệu quả, góp phần tăng thêm doanh thu và lợi nhuận, thực hiện tốt chủ trương của Công ty trong việc mở rộng lĩnh vực khai thác, đa dạng hóa nguồn hàng nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

+ Trong năm 2019, Công ty tận dụng có hiệu quả nguồn vốn nhàn rỗi để đầu tư tài chính, cộng thêm với lợi nhuận từ hoạt động hiệu quả của Công ty liên doanh TNHH SITC Đình Vũ nên doanh thu tài chính cả năm 2019 đạt 82,62 tỷ đồng chiếm 12,86% tổng doanh thu và bằng 119,84% so với năm 2018.

2. Tình hình quản lý, sản xuất kinh doanh

- Công tác điều hành sản xuất: Tăng cường công tác chỉ huy, điều hành sản xuất, bám sát hiện trường, kịp thời chỉ đạo và xử lý các tình huống khó khăn, đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch sản xuất. Duy trì kỷ luật lao động, tăng cường công tác giám sát thực hiện nội quy an toàn lao động, quy trình xếp dỡ.

Phối hợp chặt chẽ với các hãng tàu và hai cảng tiếp giáp trong việc điều tiết khai thác tàu hợp lý. Tận dụng khai thác tối đa cầu bến để tiếp nhận và tổ chức sản xuất hiệu quả, giải phóng tàu đúng tiến độ, giữ vững và nâng cao được chất lượng dịch vụ.

- Công tác giao nhận: Luôn chú trọng quy trình giao nhận, quản lý hàng hoá, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng và đáp ứng được yêu cầu của các Hãng tàu. Tổ chức quy hoạch lại hệ thống kho bãi phù hợp với thực tế, đảm bảo hệ số chất xếp cao nhất.

- Công tác kiểm tra, duy tu, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị luôn được thực hiện nghiêm ngặt, đúng quy trình, khắc phục kịp thời các sự cố để đảm bảo đáp ứng kịp thời cho sản xuất, kéo dài tuổi thọ cho thiết bị, tài sản.

- Tăng cường công tác tiếp thị, theo dõi sát tình hình biến động của thị trường và chủ động có những chính sách điều chỉnh hợp lý, kịp thời trong SXKD trước tình hình cạnh tranh cực kỳ gay gắt của thị trường trong khu

vực. Đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và xây dựng thương hiệu để giữ vững và mở rộng thị phần.

Thực hiện tốt chính sách chăm sóc khách hàng, tổ chức thành công các chương trình tiếp xúc, thăm hỏi khách hàng để tăng cường thắt chặt mối quan hệ gắn bó với khách hàng. Qua đó đã đạt được những kết quả tốt và tiếp tục nhận được sự ủng hộ của khách hàng truyền thống, thu hút thêm tuyến dịch vụ và sản lượng hàng hóa về cho Công ty.

- Công tác an ninh - bảo vệ: Tăng cường công tác giám sát chỉ đạo các chốt bảo vệ thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng hữu quan, nâng cao tinh thần trách nhiệm toàn Công ty đảm bảo tốt công tác trật tự an ninh và bảo vệ tài sản, hàng hoá trong toàn khu vực Cảng.

- Làm tốt công tác ATLĐ, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ. Tổ chức huấn luyện và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở về ATLĐ. Đưa vào áp dụng hệ thống tài liệu quản lý ATVSLĐ theo hướng chuyên nghiệp hóa, trang bị đầy đủ BHLĐ, tạo môi trường và điều kiện làm việc thuận lợi cho người lao động. Trong năm 2019, không có vụ tai nạn lao động nghiêm trọng nào xảy ra, vệ sinh môi trường được đảm bảo.

- Tăng cường công tác quản lý: Duy trì thực hiện quản lý chất lượng toàn diện theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015 và áp dụng hiệu quả Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015 tại Công ty. Tiếp tục tổ chức, cải tiến thực hiện các quy chế quản lý trong các lĩnh vực, đặc biệt quan tâm đến các chi phí chính như: điện, nước, nhiên, nguyên vật liệu, kiểm soát công tác thu/chi...

- Công tác tổ chức, tiền lương và chăm lo đời sống cho CBCNV được quan tâm sát sao, đảm bảo đời sống vật chất tinh thần và thu nhập cho người lao động: Thu nhập bình quân trên 17 triệu đồng/ người/ tháng. Công đoàn công ty thường xuyên tổ chức tham quan du lịch và các hoạt động văn hóa thể dục thể thao, nữ công... tạo động lực và tâm lý phấn khởi cho CBCNV, khuyến khích tinh thần làm việc gắn bó với Công ty, nâng cao trách nhiệm trong công việc của CBCNV.

- Công tác đào tạo nâng cao trình độ cho CBCNV được quan tâm và chú trọng. Thường xuyên tổ chức và cử các CBCNV trong Công ty theo học các lớp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng ngày càng cao nhu cầu phát triển của Công ty.

1.2 Các chỉ tiêu kinh tế:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	So sánh kế hoạch 2019	So sánh 2018 (%)
-----	----------	--------	-------------------	-----------------------------	--------------------------

				(%)	
1	Sản lượng	Teus	556.842	101,24	84,74
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	642,508	98,85	90,79
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	302,273	105,69	95,34

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản:

- Tổng tài sản tính đến 31/12/2019: 1.278.622.401.224 đồng, tăng 9,48% so với năm 2018. Trong đó:
- Tài sản ngắn hạn: 857.627.169.917 đồng tăng 21,42% so với năm 2018.
- Tài sản dài hạn: 420.995.231.307 đồng giảm 8,77% so với năm 2018.
- Vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2019: 1.171.146.144.816 tăng 9,86% so với năm 2018.

2.2 Tình hình nợ phải trả

- Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2019: 107.476.256.408 đồng tăng 5,58% so với năm 2018, trong đó:
- Nợ ngắn hạn: 107.476.256.408 đồng tăng 5,58% so với năm 2018.
- Nợ dài hạn: 00 đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty tập trung nâng cao năng lực điều hành sản xuất; nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực xếp dỡ; quy hoạch bãi chứa container khoa học, hợp lý; các hạng mục đầu tư trọng điểm kịp thời để đưa vào sử dụng, khai thác đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty; tăng tốc độ giải phóng tàu tại cảng; tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường nhằm giữ và ổn định nguồn hàng.

Đặc biệt chú trọng đến công tác thu nhận và xử lý thông tin của khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. Tăng cường công tác tiếp thị mở rộng khách hàng, bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động sản xuất chính của Công ty ổn định.

Công ty chú trọng phát triển nguồn lực, đào tạo và quy hoạch cán bộ nhân sự chủ chốt đủ năng lực tiếp nhận chuyển giao công nghệ cao trong thời

gian ngắn nhất để tiết kiệm chi phí, đạt hiệu quả nhằm tạo ra nguồn lao động có tính kế thừa, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của Công ty.

Toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty nêu cao tinh thần đoàn kết, nhất trí, gắn bó quyết tâm xây dựng Công ty ngày một phát triển bền vững, trở thành Cảng container chuyên nghiệp và hiện đại trong khu vực. Lấy chất lượng dịch vụ khách hàng và tác phong làm việc chuyên nghiệp làm sự khác biệt để nhận diện thương hiệu Cảng Đình Vũ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục phát triển Công ty thành một Cảng container chuyên nghiệp và hiện đại trong khu vực.

Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Mở rộng một số lĩnh vực kinh doanh phù hợp với năng lực và lợi thế của Công ty nhằm tăng doanh thu và tối đa hóa lợi nhuận.

Mở rộng thị trường; có chiến lược chăm sóc, gắn kết với khách hàng.

Chú trọng công tác đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm kế thừa và nắm bắt, tiếp nhận chuyển giao các thiết bị công nghệ hiện đại.

Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin, trang thiết bị hiện đại cho hoạt động kinh doanh khai thác cảng, tăng năng suất xếp dỡ và chất lượng dịch vụ khách hàng.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Với sự chỉ đạo và định hướng tốt của Hội đồng quản trị; sự năng động, nhạy bén và tận dụng thời cơ, cơ hội của Ban điều hành; tinh thần lao động mẫn cán của đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty, năm 2019 Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 về sản lượng và lợi nhuận.

Hội đồng quản trị luôn bám sát Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định khác của pháp luật có liên quan để điều hành, chỉ đạo Ban điều hành trong các hoạt động tổ chức sản xuất kinh doanh, đầu tư và mở rộng sản xuất.

Tăng cường sự quản lý của ban điều hành với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu chi, có biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đầu tư theo hướng hiện đại các thiết bị, tính chuyên môn hóa cao, tạo sự phát triển ổn định lâu dài làm tiền đề để phát triển các dịch vụ sau cảng nhằm tăng cường năng lực khai thác cảng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định; phê duyệt các Nghị quyết, quyết định các phương án đầu tư, quyết toán các dự án đầu tư và các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Ngày 12/4/2019, Hội đồng quản trị Công ty đã bổ nhiệm Ông Triệu Thế Thuận – Trưởng Phòng Kế hoạch Kinh doanh làm Phó Tổng giám đốc Công ty.

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, phối hợp giúp Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo điều hành tốt công tác sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn gặp nhiều khó khăn và thử thách. Các chỉ tiêu sản xuất năm 2019 về sản lượng và lợi nhuận đã hoàn thành vượt mức so với kế hoạch Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 giao, thể hiện sự quyết tâm trong công tác chỉ đạo của Hội đồng trị và sự cố gắng, hăng say lao động của tập thể cán bộ công nhân viên Cảng Đình Vũ.

Ngày 30/12/2019 Công ty đã thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức 15% vốn điều lệ bằng tiền mặt.

Chủ tịch Hội đồng quản trị là thành viên chuyên trách, do đó thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt. Phối hợp cùng với Ban điều hành tăng cường công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ. Ngoài việc giữ chân được các khách hàng lớn – khách hàng truyền thống, Công ty còn tiếp thị thêm được một số khách hàng mới sử dụng dịch vụ của Cảng Đình Vũ;

Phối hợp với Tổng giám đốc kiểm tra, rà soát lại toàn bộ quy chế, quy định của Công ty. Chỉ đạo Ban điều hành tham mưu xây dựng bổ sung, sửa đổi để phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ công ty và tình hình sản xuất thực tế của Công ty;

Chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác kiểm tra hiện trường, đặc biệt quan tâm đến an toàn lao động, an ninh trật tự bến Cảng. Năm 2019 Công ty không để xảy ra vụ tai nạn lao động nào cũng như không để xảy ra tình trạng mất trật tự an ninh bến cảng.

Chỉ đạo và yêu cầu Tổng giám đốc Công ty thực hiện các quy định theo pháp luật chứng khoán đối với Công ty niêm yết.

Năm 2019, Hội đồng quản trị đã thường xuyên tổ chức họp định kỳ, họp đột xuất, tổng kết từng quý để thực hiện đúng chức năng, chỉ đạo kịp thời cho công tác đầu tư, sản xuất kinh doanh. Cùng với kiểm tra thực tế, Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư để có những biện pháp điều chỉnh, chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện chặt chẽ các bước thủ tục đầu tư đồng thời tăng cường công tác quản lý mọi mặt các hoạt động của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự cố gắng, nỗ lực và nhạy bén của Ban Tổng giám đốc. Trong bối cảnh thị trường hàng hóa có sự cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt về giá cước xếp dỡ do quy định mới của Bộ giao thông vận tải và một số cảng mới ra đời có sự cạnh tranh không lành mạnh, nhưng Ban Tổng giám đốc đã có những chiến lược và chính sách kịp thời để giữ được khách hàng truyền thống, ổn định sản xuất.

Năm 2019 các doanh nghiệp vận tải biển vẫn còn gặp nhiều khó khăn, luồng vào cảng và trục giao thông bộ còn nhiều hạn chế... nhưng Ban Tổng giám đốc đã bám sát thị trường, chú trọng công tác chăm sóc khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ, điều hành Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; Quy chế quản trị Công ty và các văn bản pháp luật liên quan. Thực hiện tốt các chức năng trong quản trị, điều hành công ty.

Công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh đã bám sát Nghị quyết đại hội cổ đông 2019, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, các quy chế quản lý tài chính, tiền lương và các quy chế nội bộ khác của Công ty.

Thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản kịp thời, đúng tiến độ và kế hoạch đề ra, thực hiện quy trình đầu tư đúng thẩm quyền, đúng quy định, đúng luật... đảm bảo thiết bị đầu tư hiện đại, mang tính chuyên môn hóa cao về công nghệ, hiệu quả khai thác, tiết kiệm tối đa nguồn vốn đầu tư đã được phê duyệt.

Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị nên tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; do đó, công tác thu thập, tiếp nhận thông tin từ Hội đồng quản trị được kịp thời và giải quyết nhanh chóng.

Công tác báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc đã giúp Hội đồng quản trị xử lý và chỉ đạo kịp thời trong công tác chỉ đạo và hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh.

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất công tác thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông và của Hội đồng quản trị, thực hiện các quy chế quản trị, quy chế tài chính và các quy chế khác của Công ty từ đó có những biện pháp kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm khi phát hiện sai sót.

Yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện xin ý kiến bằng văn bản với các công tác đầu tư, tài chính, cơ cấu tổ chức và bổ nhiệm cán bộ trong thẩm quyền cho phép.

Các dự án đã được đầu tư trong năm 2019 phù hợp với kế hoạch và tuân thủ các quy định về đấu thầu, đầu tư mua sắm thiết bị của Công ty và pháp luật hiện hành, không để xảy ra tình trạng lãng phí và thất thoát vốn đầu tư.

Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo mối quan hệ tốt và bền vững với khách hàng cũ, tích cực tìm kiếm khách hàng mới nhằm đảm bảo duy trì hiệu suất hoạt động cho các phương tiện xếp dỡ.

Công ty quan tâm đến chất lượng lao động, làm tốt công tác đào tạo, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu công việc và sử dụng được các thiết bị tiên tiến, hiện đại.

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã phản ánh đầy đủ, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được thể hiện kiểm toán theo đúng quy định. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty theo đúng nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2019.

Trong công tác quản trị tài chính, Công ty đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn và quy chế quản lý tài chính.

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 (1% lợi nhuận sau thuế năm 2019), và thực hiện chi 0,98% lợi nhuận sau thuế năm 2019.

Bên cạnh công tác sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia tài trợ và hỗ trợ cho các chương trình từ thiện... Tổ chức cho đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty đi thăm quan, du lịch, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động nhằm động viên và tăng sự gắn kết, cống hiến của người lao động với Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Nhận định năm 2020 tình hình kinh tế chính trị thế giới và khu vực Châu Á sẽ xuất hiện nhiều khó khăn, biến động và tiếp tục diễn biến khó lường. Chính sách bảo hộ mậu dịch của Mỹ và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung có thể ảnh hưởng trực tiếp đến việc giao thương, trao đổi hàng hóa giữa các nước. Hàng hóa XNK sụt giảm, dự báo sẽ không có tăng trưởng đột biến.

Tình hình dịch bệnh Covid 19 đang có diễn biến hết sức phức tạp. Ngày 11/03/2020 Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tuyên bố dịch bệnh Covid 19 là đại dịch. Hiện đang lây lan nhanh tại trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động thương mại và SXKD toàn cầu.

Thị trường vận tải biển tiếp tục khó khăn, nhiều hãng tàu trên thế giới thua lỗ kéo dài, một số đã phá sản, một số bị thâm thủng hoặc phải thực hiện sáp nhập với nhau để tồn tại... dẫn đến việc tái cấu trúc lại các tuyến dịch vụ và xuất hiện sự dịch chuyển, thay đổi các đơn vị cung cấp dịch vụ...

Bên cạnh đó, tình hình cạnh tranh giữa các Cảng trong khu vực Hải Phòng ngày càng trở nên khốc liệt hơn: Cảng Nam Đình Vũ sau khi đưa 04 cầu tàu vào hoạt động tiếp tục đầu tư giai đoạn 2; Cảng Mipec chuẩn bị đi vào hoạt động đầu năm 2020. Cảng nước sâu Lạch Huyện hoạt động tối đa công suất, các hãng tàu áp dụng chiến lược mới, thực hiện các phương án liên kết hợp tác khai thác, điều chỉnh cỡ tàu lớn hơn để khai thác tại Cảng Lạch Huyện... Đây là những yếu tố sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng hàng hóa thông qua Cảng trong thời gian tới.

Theo thống kê, sản lượng thực hiện năm 2019 đạt: 556.842 teus. Tuy nhiên, trong đó có xấp xỉ 65.000 teus là hàng từ tàu của các Cảng khác gửi sang Cảng Đình Vũ để khai thác. Nhận định từ đầu năm 2020, các Cảng mới tiếp tục đi vào hoạt động sẽ thu hút phần sản lượng này và nguồn hàng nêu trên sẽ không còn được duy trì như năm 2019.

Thông tư số: 54/2018/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải quy định Biểu khung giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. Theo đó: Giá cước xếp dỡ container nội địa giảm và mặc dù đơn giá xếp dỡ container XNK tại Khu vực I có điều chỉnh tăng nhưng vẫn còn tồn tại giá dịch vụ xếp dỡ container đối với tác nghiệp ship-side, gây khó khăn đối với hoạt động khai thác và làm giảm doanh thu của các cảng do hầu hết lượng hàng chờ xuất tàu được hạ về các bãi ngoài cảng.

Năm 2019 sản lượng hàng đông lạnh tạm nhập tái xuất giảm mạnh so với năm 2018 do thay đổi về chính sách nhập khẩu của Trung Quốc và ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Dự báo sản lượng hàng đông lạnh và doanh thu điện lạnh năm 2020 chắc chắn không có đột biến.

Mục tiêu quan trọng của Công ty trong thời gian tới là thực hiện chính sách mềm dẻo trong quan hệ với khách hàng trên cơ sở cùng hợp tác cùng có lợi và cùng phát triển, kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ để giữ ổn định nguồn hàng, nguồn tàu; duy trì sự ổn định về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, công ăn việc làm và đời sống người lao động.

Công ty định hướng tiếp tục thực hiện chủ trương xây dựng, đầu tư theo chiều sâu để trở thành một cảng hiện đại, có trình độ quản lý tiên tiến, đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường, phát triển một cách bền vững, từng bước thay đổi công nghệ và ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào quản lý, sản xuất kinh doanh.

Đầu tư mở rộng sản xuất, đẩy mạnh phát triển thêm các hình thức kinh doanh khác hỗ trợ sản xuất kinh doanh chính, tạo thêm doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

a.1 Đến 31/12/2019: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 thành viên, cơ cấu và danh sách như sau:

a.1.1 Cơ cấu:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách: 01

- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: 01
- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: 01
- Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp điều hành: 02
- Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành: 03 (bao gồm cả Phó chủ tịch Hội đồng quản trị)
- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ thành viên Hội đồng quản trị tại các Công ty khác: 02 thành viên (Ông Nguyễn Tiến Dũng và Ông Chu Minh Hoàng)

a.1.2 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Vũ Tuấn Dương

Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 20% vốn điều lệ tương đương 8.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản với 18,7% vốn điều lệ tương đương 7.480.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Cao Văn Tĩnh

Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 16% vốn điều lệ tương đương 6.400.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

Số cổ phần sở hữu cá nhân 3.600 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,009% vốn điều lệ.

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện: 6.403.600 cổ phần có quyền biểu quyết tương đương 16,009% vốn điều lệ.

- Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Chu Minh Hoàng

Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 10% vốn điều lệ tương đương 4.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Việt Hải

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị họp định kỳ một lần/một quý, ngoài ra có những cuộc họp đột xuất hoặc xin ý kiến Hội đồng quản trị để chỉ

đạo kịp thời công tác tổ chức quản lý sản xuất, đầu tư xây dựng cơ bản...Nội dung chính của các cuộc họp được nêu chi tiết trong Báo cáo quản trị năm 2019 của Công ty.

c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; Thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ của mình theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

a.1 Thành viên Ban kiểm soát: 03 thành viên

a.2 Cơ cấu Ban kiểm soát:

- Trưởng Ban kiểm soát: 01
- Thành viên Ban kiểm soát: 02

a.3 Danh sách thành viên Ban kiểm soát

- **Trưởng Ban kiểm soát:** Bà Trần Thị Thanh Hải

Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với 5% vốn điều lệ tương đương 2.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Thành viên Ban kiểm soát: Ông Cao Xuân Hợp
- Thành viên Ban kiểm soát: Ông Vũ Hoàng Lâm

Số cổ phần sở hữu cá nhân 7.600 cổ phần có quyền biểu quyết, tương đương 0,019% vốn điều lệ

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Trong năm 2019, ban kiểm soát đã tiến hành họp 4 lần (01 lần/quý), đồng thời Trưởng ban kiểm soát được tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị Công ty. Do đó, việc nắm bắt thông tin, kiểm soát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các hoạt động khác của Công ty được kịp thời.

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các kế hoạch đề ra của Công ty, cụ thể:

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Trong năm 2019 Hội đồng quản trị Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

Hội đồng quản trị luôn bám sát Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 đồng thời thực hiện tốt vai trò giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc, phối hợp giúp Ban Giám đốc chỉ đạo điều hành công tác sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn và thử thách.

Trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã phê duyệt các Nghị quyết, quyết định các phương án đầu tư, quyết toán các dự án đầu tư và các vấn đề thuộc thẩm quyền theo Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và Luật Doanh nghiệp.

4. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Trong năm 2019 Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Bám sát các quy chế, quy định của Công ty trong công tác điều hành, chỉ đạo sản xuất.

Báo cáo tài chính năm 2019 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

5. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

a. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019: Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 được tính bằng 1% Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2019, Công ty đã chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 là 0,98% lợi nhuận sau thuế năm 2019.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, các quy chế, Nghị quyết khác của Công ty và các văn bản pháp luật liên quan hiện hành.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019 ĐÃ KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Tuấn Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Cao Văn Tĩnh	Thành viên
Ông Chu Minh Hoàng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Văn Tĩnh	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Thành Đỏ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Triệu Thế Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/04/2019
Ông Quách Kim Hiên	Phó Tổng Giám đốc	Tạm hoãn hợp đồng lao động từ ngày 01/10/2019 theo Quyết định số 378A/2019/QĐ-TCTL ngày 28/10/2019 đến khi có Quyết định khác

Kế toán trưởng của Công ty đến ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Minh Trung.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện phát sinh nào khác sau ngày 31/12/2019 có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định về quản trị Công ty tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày

06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2020, từ trang 6 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã

xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được một doanh nghiệp khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 08 tháng 03 năm 2019.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		857.627.169.917	706.322.918.614
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	29.237.214.488	92.094.759.884
Tiền	111		29.237.214.488	18.094.759.884
Các khoản tương đương tiền	112		-	74.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		755.000.000.000	495.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	755.000.000.000	495.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.818.852.799	96.825.091.382
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	45.557.541.235	77.420.619.054
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		670.926.000	11.414.730.600
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	15.699.488.900	9.950.072.821
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(3.109.103.336)	(1.960.331.093)
Hàng tồn kho	140	8	9.577.438.353	9.710.538.056
Hàng tồn kho	141		9.577.438.353	9.710.538.056
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.993.664.277	12.692.529.292
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.846.681.194	3.268.599.787
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.080.063.445	8.269.461.877
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	66.919.638	1.154.467.628
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		420.995.231.307	461.489.511.179
Các khoản phải thu dài hạn	210		266.986.000	293.986.000
Phải thu dài hạn khác	216	7	266.986.000	293.986.000
Tài sản cố định	220		249.417.869.529	288.726.349.645
Tài sản cố định hữu hình	221	11	248.951.204.631	288.152.497.503
- Nguyên giá	222		1.209.805.518.049	1.188.967.499.988
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(960.854.313.418)	(900.815.002.485)
Tài sản cố định vô hình	227	12	466.664.898	573.852.142
- Nguyên giá	228		5.813.104.700	5.497.754.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.346.439.802)	(4.923.902.558)
Tài sản dở dang dài hạn	240		282.222.727	665.336.363
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	282.222.727	665.336.363
Đầu tư tài chính dài hạn	250		142.352.013.800	142.352.013.800
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	142.352.013.800	142.352.013.800
Tài sản dài hạn khác	260		28.676.139.251	29.451.825.371
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	28.676.139.251	29.451.825.371
TỔNG TÀI SẢN	270		1.278.622.401.224	1.167.812.429.793

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		107.476.256.408	101.797.532.256
Nợ ngắn hạn	310		107.476.256.408	101.797.532.256
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	18.230.803.051	15.150.593.016
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		242.089.461	40.890.985
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	17.593.255.822	1.111.386.861
Phải trả người lao động	314		23.010.571.425	34.070.880.395
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		10.220.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	6.625.626.874	6.250.129.520
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	32.000.000.000	39.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.763.689.775	6.173.651.479
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.171.146.144.816	1.066.014.897.537
Vốn chủ sở hữu	410	18	1.171.146.144.816	1.066.014.897.537
Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
<i>- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>400.000.000.000</i>	<i>400.000.000.000</i>
Vốn khác của chủ sở hữu	414		142.352.013.800	142.352.013.800
Quỹ đầu tư phát triển	418		366.162.883.737	285.921.545.655
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		262.631.247.279	237.741.338.082
<i>- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>75.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
<i>- LNST chưa phân phối năm nay</i>	<i>421b</i>		<i>187.631.247.279</i>	<i>187.741.338.082</i>
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.278.622.401.224	1.167.812.429.793

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	559.892.262.521	638.724.759.216
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		559.892.262.521	638.724.759.216
Giá vốn hàng bán	11	20	274.561.547.584	321.584.286.531
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		285.330.714.937	317.140.472.685
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	80.453.233.662	68.271.810.592
Chi phí tài chính	22	22	65.811.538	888.278.154
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	410.824.902
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	65.608.023.812	68.147.243.210
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		300.110.113.249	316.376.761.913
Thu nhập khác	31	24	2.162.648.832	668.435.401
Chi phí khác	32		-	8.578.903
Lợi nhuận khác	40		2.162.648.832	659.856.498
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		302.272.762.081	317.036.618.411
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	54.641.514.802	29.295.280.329
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		247.631.247.279	287.741.338.082
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	6.191	6.631
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	6.191	6.631

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	617.587.314.722	647.879.342.268
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(153.722.845.777)	(170.435.010.955)
Tiền chi trả cho người lao động	3	(120.966.117.128)	(124.564.659.934)
Tiền lãi vay đã trả	4	-	(444.327.957)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(35.893.791.352)	(37.129.369.123)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	2.090.386.762	1.751.936.523
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(40.416.197.245)	(39.077.165.058)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	268.678.749.982	277.980.745.764
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(27.723.846.000)	(165.149.265.300)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.178.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.302.000.000.000)	(1.060.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.042.000.000.000	1.155.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	73.060.734.586	65.423.606.357
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(212.485.111.414)	(4.725.658.943)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(25.391.439.137)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(119.033.421.800)	(179.188.230.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(119.033.421.800)	(204.579.669.837)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(62.839.783.232)	68.675.416.984
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	92.094.759.884	23.419.210.144
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(17.762.164)	132.756
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	29.237.214.488	92.094.759.884

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 990/QĐ/TGĐ ngày 11/11/2002 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về quyết định phê duyệt phương án đầu tư khai thác Cảng Đình Vũ. Giấy chứng nhận kinh doanh số 0200511481 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/01/2003 và sửa đổi lần thứ 7 ngày 12/07/2017.

Vốn điều lệ của Công ty là: 400.000.000.000 đồng, được chia thành 40.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Toàn bộ số cổ phần trên của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là DVP.

Trụ sở của Công ty đặt tại Cảng Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 446 người (tại ngày 31/12/2018 là 449 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Kinh doanh kho bãi;
- Vận tải hàng hóa đa phương thức; Dịch vụ hàng hải;
- Dịch vụ kho vận, dịch vụ kho ngoại quan và dịch vụ hàng chuyển khẩu, quá cảnh.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ban hành ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu dùng để phục vụ sửa chữa các phương tiện thiết bị dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; Hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 17/12/2009, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính và Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã tính mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 03 năm.

3.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, các chi phí phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.10 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

3.11 THUẾ

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4477GCN/UB ngày 17/09/2004 của UBND thành phố Hải Phòng, Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ, Quyết định số 06/2008/QĐ-TT ngày 10/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 141/CT-TT&HT của Cục thuế Hải Phòng ngày 21/02/2011, Công ty được hưởng những chính sách ưu đãi thuế sau:

- Ưu đãi thuế suất thuế TNDN: Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% trong thời hạn còn lại (đã hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN 20% từ năm 2004 đến hết ngày 01/02/2008) kể từ ngày 02/02/2008 đến hết năm 2018 đối với thu nhập có được từ dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN: Thu nhập từ hoạt động kinh doanh thuộc diện ưu đãi thuế suất thuế TNDN nêu trên được giảm 50% số thuế phải nộp trong thời gian còn lại (đã hưởng ưu đãi giảm thuế TNDN từ năm 2006 đến hết ngày 01/02/2008) kể từ ngày 02/02/2008 đến hết năm 2014.

- Từ năm 2019 Công ty đã hết ưu đãi thuế suất, hiện tại thuế suất thuế TNDN Công ty phải nộp là 20%.

Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào các Công ty liên doanh và Công ty liên kết; các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

3.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, các công ty tham gia liên doanh và các công ty do các bên tham gia liên doanh đầu tư và chi phối. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	239.783.049	968.115.632
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.997.431.439	17.126.644.252
Các khoản tương đương tiền	-	74.000.000.000
	29.237.214.488	92.094.759.884

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	755.000.000.000	755.000.000.000	495.000.000.000	495.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	755.000.000.000	755.000.000.000	495.000.000.000	495.000.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
	755.000.000.000	755.000.000.000	495.000.000.000	495.000.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và Ngân hàng TMCP Á Châu.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	45.557.541.235	(3.109.103.336)	77.420.619.054	(1.960.331.093)
- SITC Container Lines Co., Ltd	17.795.432.088	-	36.626.674.591	-
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4.709.675.678	-	949.925.489	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	23.052.433.469	(3.109.103.336)	39.844.018.974	(1.960.331.093)
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
	45.557.541.235	(3.109.103.336)	77.420.619.054	(1.960.331.093)
Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	746.589.324	-	733.595.335	-
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	-	14.520.000	-
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	732.993.324	-	697.141.335	-
- Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	13.596.000	-	21.934.000	-

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	15.699.488.900	-	9.950.072.821	-
- Phải thu người lao động	632.603.653	-	609.257.971	-
- Bảo hiểm xã hội	140.703.584	-	140.268.274	-
- Bảo hiểm y tế	483.033	-	-	-
- Dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	14.925.698.630	-	9.200.546.576	-
Dài hạn	266.986.000	-	293.986.000	-
- Phải thu người lao động	266.986.000	-	293.986.000	-
	15.966.474.900	-	10.244.058.821	-

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	856.557.637	-	1.143.916.166	-
Công cụ, dụng cụ	8.720.880.716	-	8.566.621.890	-
	9.577.438.353	-	9.710.538.056	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	2.846.681.194	3.268.599.787
- Chi phí mua bảo hiểm	779.201.954	791.103.379
- Công cụ dụng cụ phân bổ	43.077.271	-
- Chi phí sửa chữa	1.947.832.272	2.344.178.067
- Các khoản khác	76.569.697	133.318.341
Dài hạn	28.676.139.251	29.451.825.371
- Chi phí thuê đất KCN Minh Phuong (*)	28.646.704.261	29.410.616.377
- Các khoản khác	29.434.990	41.208.994
	31.522.820.445	32.720.425.158

9. (*) Chi phí thuê đất theo hợp đồng số 03/2013/HĐT-MP ngày 12/07/2013 và các phụ lục điều chỉnh số 02,03 ngày 03/10/2013 về việc thuê lô đất CN 2.2: 39.587m² đất và 4.830m² đất mở rộng, được phân bổ trong vòng 43 năm (từ 01/01/2015 đến 30/06/2057). **THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	23.505.907.790	23.505.907.790	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	53.487.047.174	35.893.791.352	17.593.255.822
- Thuế thu nhập cá nhân	1.111.386.861	5.583.741.960	6.695.128.821	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	1.111.386.861	82.579.696.924	66.097.827.963	17.593.255.822
	01/01/2019	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.154.467.628	-	1.154.467.628	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	66.919.638	-	66.919.638
	1.154.467.628	66.919.638	1.154.467.628	66.919.638

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2019	436.262.914.342	623.115.178.415	112.040.711.327	17.548.695.904	1.188.967.499.988
- Mua trong năm	-	1.097.000.000	18.140.876.364	306.600.000	19.544.476.364
- Đầu tư XDCB hoàn thành	15.778.786.868	-	-	-	15.778.786.868
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(14.126.015.636)	-	(14.126.015.636)
- Giảm khác	(359.229.535)	-	-	-	(359.229.535)
31/12/2019	451.682.471.675	624.212.178.415	116.055.572.055	17.855.295.904	1.209.805.518.049
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2019	(343.224.603.725)	(445.622.335.528)	(96.795.948.722)	(15.172.114.510)	(900.815.002.485)
- Khấu hao trong năm	(15.565.823.354)	(46.366.881.842)	(10.723.504.015)	(1.509.117.358)	(74.165.326.569)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	14.126.015.636	-	14.126.015.636
31/12/2019	(358.790.427.079)	(491.989.217.370)	(93.393.437.101)	(16.681.231.868)	(960.854.313.418)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2019	93.038.310.617	177.492.842.887	15.244.762.605	2.376.581.394	288.152.497.503
31/12/2019	92.892.044.596	132.222.961.045	22.662.134.954	1.174.064.036	248.951.204.631

Tại ngày 31/12/2019, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 745.830.640.420 đồng (Tại ngày 31/12/2018 là 542.700.774.966 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2019	5.497.754.700	5.497.754.700
- Mua trong năm	315.350.000	315.350.000
31/12/2019	<u>5.813.104.700</u>	<u>5.813.104.700</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2019	(4.923.902.558)	(4.923.902.558)
- Khấu hao trong năm	(422.537.244)	(422.537.244)
31/12/2019	<u>(5.346.439.802)</u>	<u>(5.346.439.802)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2019	<u>573.852.142</u>	<u>573.852.142</u>
31/12/2019	<u>466.664.898</u>	<u>466.664.898</u>

Tại ngày 31/12/2019, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 4.706.804.700 đồng (Tại ngày 31/12/2018 là 4.309.554.700 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Mua sắm	121.000.000	-
Nâng cấp phần mềm TOS	121.000.000	-
Xây dựng cơ bản	161.222.727	665.336.363
Cải tạo bãi chứa hàng tiền phương cầu 1	-	406.673.636
Tư vấn thiết kế, thẩm tra lắp đặt cần trục giàn STS khổ ray 20m trên bến số 1	161.222.727	161.222.727
Nhà điều hành 2 tầng	-	97.440.000
	<u>282.222.727</u>	<u>665.336.363</u>

13. ĐẦU TƯ VÀ CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
- Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ (1)	128.672.013.800	-	128.672.013.800	128.672.013.800	-	128.672.013.800
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ (2)	13.680.000.000	-	13.680.000.000	13.680.000.000	-	13.680.000.000
	<u>142.352.013.800</u>	<u>-</u>	<u>142.352.013.800</u>	<u>142.352.013.800</u>	<u>-</u>	<u>142.352.013.800</u>

(1) Theo hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty TNHH Vận tải Đường thủy Châu Á (SITC) ký tháng 7 năm 2010, hai bên đã thống nhất góp vốn thành lập Công ty Liên doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ là 145.852.000.000 đồng, trong đó Công ty góp 74.384.520.000 đồng (tương đương 3.570.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ (Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ là

50%). Theo Nghị quyết số 11/SITC/NQ-HĐTV ngày 01/08/2013 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH về việc tăng vốn điều lệ để đầu tư mở rộng sản xuất với số vốn góp tăng thêm là 5.000.000 USD, trong đó Công ty góp 51% (tương đương 2.550.000 USD). Tính đến thời điểm 31/12/2019, Công ty đã góp 128.672.013.800 đồng (tương đương 6.120.000 USD), chiếm 51% vốn điều lệ và 50% tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ..

Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ đi vào hoạt động từ ngày 29/01/2011.

Hoạt động chính của Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ là kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, vận tải hàng hóa,...

- (2) Theo biên bản góp vốn ngày 14/10/2011 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty Cổ phần Vạn Xuân, Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Đình Vũ và các cổ đông khác quyết định thành lập Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ. Số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ là 30.000.000.000 đồng; Công ty góp 13.680.000.000 đồng (chiếm 45,6% vốn điều lệ). Tại ngày 31/12/2019, Công ty và các cổ đông khác đã góp đủ vốn theo thỏa thuận.

Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ đi vào hoạt động từ ngày 17/12/2011.

14. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ là kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bốc xếp hàng hóa, vận tải hàng hóa,... **PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	18.230.803.051	18.230.803.051	15.150.593.016	15.150.593.016
- Công ty Cổ phần Thương mại Duy Linh	8.228.085.096	8.228.085.096	-	-
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	2.603.222.071	2.603.222.071	3.795.601.164	3.795.601.164
- Công ty Cổ phần Dolphin	1.728.205.050	1.728.205.050	1.815.124.300	1.815.124.300
- Các đối tượng khác	5.671.290.834	5.671.290.834	9.539.867.552	9.539.867.552
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
	18.230.803.051	18.230.803.051	15.150.593.016	15.150.593.016
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	2.729.454.299	2.729.454.299	3.875.344.697	3.875.344.697
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	2.603.222.071	2.603.222.071	3.795.601.164	3.795.601.164
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	126.232.228	126.232.228	79.743.533	79.743.533

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	6.625.626.874	6.250.129.520
- Kinh phí công đoàn	232.736.808	153.089.862
- Bảo hiểm y tế	-	655.649
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.918.104	13.077.897
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.379.971.962	6.083.306.112
<i>Cổ tức phải trả cho các cổ đông</i>	<i>2.472.657.200</i>	<i>1.905.614.350</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>3.907.314.762</i>	<i>4.177.691.762</i>
Dài hạn	-	-
	6.625.626.874	6.250.129.520

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	32.000.000.000	39.000.000.000
- Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định	8.000.000.000	15.000.000.000
- Dự phòng nợ vết bến cảng	12.000.000.000	24.000.000.000
- Dự phòng quỹ tiền lương	12.000.000.000	-
Dài hạn	-	-
	32.000.000.000	39.000.000.000

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2018	400.000.000.000	142.352.013.800	207.982.196.884	227.439.348.771	977.773.559.455
- Lãi trong năm	-	-	-	287.741.338.082	287.741.338.082
- Phân phối lợi nhuận	-	-	77.939.348.771	(276.939.348.771)	(199.000.000.000)
+ Trích quỹ phúc lợi	-	-	-	(5.500.000.000)	(5.500.000.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	77.939.348.771	(77.939.348.771)	-
+ Chi trả cổ tức	-	-	-	(180.000.000.000)	(180.000.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
+ Trích thưởng ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
31/12/2018	400.000.000.000	142.352.013.800	285.921.545.655	237.741.338.082	1.066.014.897.537
01/01/2019	400.000.000.000	142.352.013.800	285.921.545.655	237.741.338.082	1.066.014.897.537
- Lãi trong năm	-	-	-	247.631.247.279	247.631.247.279
- Phân phối lợi nhuận	-	-	80.241.338.082	(222.741.338.082)	(142.500.000.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	80.241.338.082	(80.241.338.082)	-
+ Trích quỹ phúc lợi (*)	-	-	-	(6.500.000.000)	(6.500.000.000)
+ Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng (*)	-	-	-	(15.500.000.000)	(15.500.000.000)
+ Trích thưởng ban điều hành (*)	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
+ Tạm ứng cổ tức năm 2019 (**)	-	-	-	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)
31/12/2019	400.000.000.000	142.352.013.800	366.162.883.737	262.631.247.279	1.171.146.144.816

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(*) Phân phối lợi nhuận theo nghị quyết số 06/NQ/HĐQT ngày 23/04/2019 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018.

(**) Tạm ứng cổ tức theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 29/NQ-HĐQT ngày 28/11/2019.

18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	204.000.000.000	204.000.000.000
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông sản	74.800.000.000	74.800.000.000
- Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	20.626.300.000	20.626.300.000
- Erikoissijoitusrahasto Elite (Mutual Fund Elite(Non-UCITS))	18.098.700.000	19.580.000.000
- Các cổ đông khác	82.475.000.000	80.993.700.000
	400.000.000.000	400.000.000.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	400.000.000.000	400.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	400.000.000.000	400.000.000.000
- Cổ tức đã chia trong năm	120.000.000.000	180.000.000.000

18.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

18.5 CÁC QUỸ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	366.162.883.737	285.921.545.655

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	559.892.262.521	638.724.759.216
	559.892.262.521	638.724.759.216
Doanh thu với các bên liên quan	8.775.818.571	9.492.539.475
Công ty TNHH Tiếp vận SITC - Đình Vũ	271.985.000	1.030.099.282
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	8.005.268.471	8.333.898.233
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	498.565.100	128.541.960

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	274.561.547.584	321.584.286.531
	274.561.547.584	321.584.286.531

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.975.735.077	39.960.731.431
Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.810.151.563	26.525.713.169
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.667.347.022	1.785.365.992
	80.453.233.662	68.271.810.592

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	410.824.902
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	30.649.649	290.486.911
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	35.161.889	186.966.341
	65.811.538	888.278.154

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	43.059.701.384	42.829.023.663
Chi phí đồ dùng văn phòng	25.614.738	26.970.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.591.039.103	4.392.982.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.762.264.652	19.815.415.161
Chi phí dự phòng	1.169.403.935	1.082.851.891
	65.608.023.812	68.147.243.210

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.980.000.000	-
Các khoản thu nhập khác	182.648.832	668.435.401
	2.162.648.832	668.435.401

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	302.272.762.081	317.036.618.411
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.744.963.503	2.442.030.795
- Các khoản chi phí (phạt)	40.000.000	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	50.592.701	7.422.462
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.654.370.802	2.434.608.333
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	30.810.151.563	26.525.845.925
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	132.756
- Cổ tức đã nhận được	30.810.151.563	26.525.713.169
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	273.207.574.021	292.952.803.281
Thuế suất	20%	10%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	54.641.514.802	29.295.280.329

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	247.631.247.279	287.741.338.082
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(22.500.000.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) (**)	6.191	6.631

(*) Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính năm 2019 chưa có số liệu để trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019. Số liệu trích lập sẽ căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2018 đã được điều chỉnh do phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2019 số 06/NQ/HĐQT ngày 23/04/2019. Theo đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 là 6.631 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 trước điều chỉnh là 7.194 VND/CP).

26. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó Công ty không xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu.

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	22.488.201.122	26.841.864.905
Chi phí nhân công	136.055.731.958	148.210.446.460
Khấu hao tài sản cố định	74.430.167.145	80.606.095.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.678.610.056	85.743.694.727
Chi phí bằng tiền khác	53.516.861.115	48.329.427.812
	340.169.571.396	389.731.529.741

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.13.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2019 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2019 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.237.214.488	92.094.759.884
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	755.000.000.000	495.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58.414.912.799	84.660.834.537
Đầu tư dài hạn	142.352.013.800	142.352.013.800
Cộng	985.004.141.087	814.107.608.221
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	24.610.775.013	21.233.899.128
Dự phòng phải trả	32.000.000.000	39.000.000.000
Cộng	56.620.995.013	60.233.899.128
Trạng thái ròng	928.383.146.074	753.873.709.093

Tại ngày 31/12/2019, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

Quản lý rủi ro thanh khoản

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2019			
Phải trả người bán và phải trả khác	24.610.775.013	-	24.610.775.013
Dự phòng phải trả	32.000.000.000	-	32.000.000.000
Cộng	56.620.995.013	-	56.620.995.013
01/01/2019			
Phải trả người bán và phải trả khác	21.233.899.128	-	21.233.899.128
Dự phòng phải trả	39.000.000.000	-	39.000.000.000
Cộng	60.233.899.128	-	60.233.899.128

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở

Việt Nam có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty. Đối với các khoản phải thu, Ban Tổng Giám đốc thiết lập chính sách tín dụng cụ thể thông qua việc phân tích tín nhiệm với các khách hàng để xác định các điều khoản thanh toán trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu và đầu tư ngắn hạn của Công ty chiếm tỷ trọng lớn là số dư với các bên liên quan, giá trị rủi ro tối đa là giá trị trình bày trên Báo cáo tài chính. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng là thấp.

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.237.214.488	-	29.237.214.488
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	755.000.000.000	-	755.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58.414.912.799	-	58.414.912.799
Đầu tư dài hạn	-	142.352.013.800	142.352.013.800
Cộng	842.652.127.287	142.352.013.800	985.004.141.087
01/01/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.094.759.884	-	92.094.759.884
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	495.000.000.000	-	495.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.660.834.537	-	84.660.834.537
Đầu tư dài hạn	-	142.352.013.800	142.352.013.800
Cộng	671.755.594.421	142.352.013.800	814.107.608.221

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty chỉ thực hiện kinh doanh và theo dõi theo một bộ phận duy nhất là: kinh doanh dịch vụ cảng.

30. THÔNG TIN KHÁC

31.1 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2019	01/01/2019
Ngoại tệ các loại	235.174,99	282,66
USD	235.174,99	282,66
EURO	5,14	5,14

31.2 HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Công ty có các khoản tiền thuê đất theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 03/HĐTĐ ngày 09/01/2006, UBND thành phố Hải Phòng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ thuê khu đất có diện tích 221.415 m² tại phường Đồng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng trong 40 năm kể từ ngày 19/08/2002 đến ngày 19/08/2042. Căn cứ Quyết định số 4120/QĐ-CT của Cục Thuế thành phố Hải Phòng ngày 03 tháng 12 năm 2014, Công ty được miễn tiền thuê đất của lô đất trên trong 15 năm từ tháng 03 năm 2005 đến hết tháng 02 năm 2020.
- Hợp đồng số 09/HĐTĐ - 2010 ngày 12/08/2010 giữa Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty được thuê diện tích đất 39.600 m² trong cụm công nghiệp Vinashin Đình Vũ. Tổng tiền thuê là 31.680.000.000 đồng. Thời hạn thuê đến ngày 30/06/2057.
- Ngày 09/12/2011 Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương đã thực hiện ký kết biên bản thỏa thuận 3 bên. Theo đó, Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương có trách nhiệm kế thừa quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Phà Rừng đối với Công ty theo hợp đồng 09/HĐTĐ - 2010.
- Hợp đồng giữ đất số 01/2012/HĐGD-MP ký ngày 12/10/2012 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ và Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương. Theo hợp đồng, các bên có trách nhiệm thừa kế quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng số 09/HĐTĐ - 2010 ngày 12/08/2010. Cụ thể, Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương sẽ bàn giao mặt bằng, cung cấp các tiện ích sử dụng trong khu công nghiệp (cung cấp điểm nối điện, nước sinh hoạt, nước thải, đường giao thông, hệ thống phòng cháy chữa cháy) cho Công ty và phối hợp hoàn thiện hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty.
- Hợp đồng thuê đất số 27/2015/HĐTĐ-MP ký ngày 12/06/2015 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ. Theo hợp đồng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được thuê diện tích đất là 44.417 m² với thời gian thuê tính từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/06/2057. Tổng giá trị tiền thuê cho toàn bộ thời gian thuê là 35.292.100.000 đồng (Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%), với đơn giá thuê đất như sau: Đơn giá thuê diện tích 39.587 m² là 800.000 đồng/ m² và đơn giá thuê diện tích 4.830 m² là 750.000 đồng/ m² (Hai đơn giá nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%).

31.3 GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiếp Vận SITC - Đình Vũ	Công ty liên doanh
Các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty	Lãnh đạo chủ chốt

a) Mua hàng từ bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Mua hàng từ bên liên quan	25.227.227.237	26.655.403.952
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	23.623.243.763	24.172.008.747
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	1.603.983.474	2.483.395.205

b) Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương, thưởng	8.794.868.937	7.065.962.298

31.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	302.272.762.081	317.036.618.411
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	74.430.167.145	80.606.095.837
Các khoản dự phòng	03	18.779.842.990	5.082.851.891
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	35.161.889	7.289.706
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(80.963.886.640)	(66.478.129.030)
Chi phí lãi vay	06	-	410.824.902
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	314.554.047.465	336.665.551.717
Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	09	49.691.293.399	(25.501.252.946)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(3.310.658.297)	(1.038.941.219)
(Giảm)/ Tăng các khoản phải trả	11	(49.059.760.910)	22.906.590.017
Giảm/ (Tăng) chi phí trả trước	12	1.197.604.713	(555.153.525)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(444.327.957)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(35.893.791.352)	(37.129.369.123)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	366.600.000	369.400.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(8.866.585.036)	(17.291.751.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	268.678.749.982	277.980.745.764
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(27.723.846.000)	(165.149.265.300)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.178.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.302.000.000.000)	(1.060.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.042.000.000.000	1.155.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	73.060.734.586	65.423.606.357
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(212.485.111.414)	(4.725.658.943)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(25.391.439.137)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(119.033.421.800)	(179.188.230.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(119.033.421.800)	(204.579.669.837)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(62.839.783.232)	68.675.416.984

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	92.094.759.884	23.419.210.144
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(17.762.164)	132.756
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	29.237.214.488	92.094.759.884

Hải Phòng, ngày 20 tháng 3 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC



Cao Văn Tĩnh

